

Bản án số: 04/2018/KDTM-PT

Ngày 05/4/2018

V/v Tranh chấp HĐ mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quyền

Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa
Bà Nguyễn Ngọc Lượm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc công khai vụ án thụ lý số: 20/2017/KDTM-PT ngày 18 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán hàng hóa*". Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 24/2017/KDTM-ST ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất và Thương mại A

Trụ sở: đường X, KDC H, P.A, Q.N, TP.Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Vĩ N – Giám đốc.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV may trang phục Q

Địa chỉ: C18, N, P.A, Q.N, TP.Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn D – Chủ tịch Công ty.

Người kháng cáo: Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất và Thương mại A.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Châu Thanh B trình bày:

Công ty A có hợp đồng bằng miệng (Đặt hàng qua điện thoại) mua bán vật tư ngành may mặc với Công ty TNHH MTV may trang phục Q (Sau đây gọi tắt là Công ty Q), Công ty A bán hàng hóa cho công ty Q. Qua quá trình mua bán căn cứ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/11/2016 tính đến hết ngày 31/12/2015 Công ty Q còn nợ Công ty A 186.191.000 đồng, đồng thời thỏa thuận chịu lãi suất 3%/tháng tính từ ngày 14/11/2016 đến ngày 15/12/2016, nếu sau ngày 15/12/2016 mà Công ty Q không trả nợ thì lãi suất sẽ tính là 5%/tháng. Ngoài ra tại biên bản hòa giải ngày 26/5/2017 qua lời trình bày của đại diện bị đơn Công ty Q, thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty A thống nhất như lời trình bày của đại diện bị đơn là đến 14/5/2016 hai bên không còn mua bán với nhau nữa và có làm bảng đối chiếu công nợ là 157.789.000 đồng, còn bảng đối chiếu công nợ ngày 14/11/2016 thể hiện số nợ 186.191.000 đồng là tính lãi lên. Nay đại diện bị đơn cho rằng khấu trừ số tiền 70.222.900 đồng đã trả, nguyên đơn công ty A thống nhất, còn lại 03 khoản nợ mà đại diện bị đơn yêu cầu khấu trừ 27.834.000 đồng nguyên đơn công ty A không thống nhất. Như vậy sau khi khấu trừ nguyên đơn công ty A yêu cầu bị đơn công ty Q trả vốn nợ là 87.567.000 đồng (tính tròn) và yêu cầu lãi chậm trả từ ngày 14/5/2016 đến khi trả nợ xong với lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên sau đó đến biên bản hòa giải ngày 04/8/2017, đại diện nguyên đơn Công ty A thay đổi lời trình bày, không thừa nhận bị đơn có trả 70.222.900 đồng. Nay nguyên đơn công ty A yêu cầu bị đơn công ty Q trả vốn nợ là 157.789.000 đồng (tính tròn) và yêu cầu lãi chậm trả từ ngày 14/5/2016 đến khi trả nợ xong với lãi suất 1,125%/tháng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Đặng Văn D trình bày:

Công ty Q có thỏa thuận mua hàng hóa vật tư may mặc qua điện thoại với công ty A, phương thức mua bán mua hàng vừa trả tiền mặt và cũng có nợ. Qua quá trình mua bán đến ngày 14/11/2016 giữa công ty A và công ty Q có ký bảng đối chiếu công nợ với số tiền là 186.191.000 đồng đã tính lãi, còn tiền vốn chỉ có 157.789.000 đồng, tuy nhiên việc này chỉ tạm ký, sẽ đối chiếu lại. Nay căn cứ các phiếu giao hàng mà công ty Q đã trả tiền có cung cấp cho Tòa án, yêu cầu trừ lại các phần mà công ty Q đã trả. Hai bên mua bán đến ngày 14/5/2016 thì không còn mua bán thiếu nữa, lúc này hai bên có làm bảng đối chiếu công nợ tạm tính là 157.789.000 đồng, sở dĩ đến ngày 14/11/2016 tiếp tục ký bảng đối chiếu công nợ có số nợ là 186.191.000 đồng là do công ty A tính lãi lên. Nay yêu cầu tính lại như sau: tính đến 14/5/2016 đối chiếu công nợ công ty Q còn nợ lại 157.789.000 đồng, nhưng chưa trừ một số phiếu giao hàng công ty Q đã trả rồi là 70.222.900 đồng, sau khi khấu trừ số nợ còn lại là 87.567.600 đồng. Ngoài ra công ty Q có trả thêm cho công ty A do ông Nhiệm nhận 25.000.000 đồng, ngày 28/10/2015 việc trả chỉ thỏa thuận miệng; Công ty A còn nợ công ty Q 10 bộ đồ thành tiền 2.150.000 đồng, việc này chỉ thỏa thuận miệng; Công ty A còn nợ công ty Q 9 mét vải x 76.000 đồng = 684.000 đồng, cộng 03 khoản vừa nêu là 27.834.000 đồng, yêu cầu trừ tiếp vào số nợ 87.567.600 đồng, như vậy số nợ thật sự còn lại công ty Q thừa nhận là 59.733.000 đồng. Nay công ty Q chỉ đồng ý trả số nợ 59.733.000 đồng và đồng ý trả lãi, tính từ 14/5/2016 cho đến khi trả nợ xong.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn cho rằng sau khi đối chiếu lại sổ sách, nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn Công ty Q có trả số tiền 27.834.000 đồng, còn khoản 70.222.900 đồng là bị đơn không có trả, do bị đơn cho rằng đã trả nhưng không có chứng cứ chứng minh. Nay yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ còn lại là 129.955.000 đồng và tính lãi suất 1,125%/tháng, tính từ ngày 14/5/2016 cho đến khi trả nợ xong.

Đại diện bị đơn thống nhất thừa nhận ngày 14/5/2016 khi ký đối chiếu công nợ năm 2015 tính đến ngày 31/12/2015 là 157.789.000 đồng, nhưng chỉ tạm tính. Nay yêu cầu trừ thêm các khoản mà bị đơn Công ty Q có trả trước và sau khi đối chiếu công nợ gồm: 70.222.900 đồng và 27.834.000 đồng. Nay đồng ý trả cho nguyên đơn nợ vốn 59.732.100 đồng và lãi suất 1,125%/tháng, tính từ ngày 14/5/2016.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 24/2017/KDTM-ST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH MTV may trang phục Q phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất và Thương mại A số nợ vốn 59.732.100 đồng và lãi là 11.804.500 đồng. Tổng cộng vốn, lãi phải trả là 71.536.600 đồng (Bảy mươi một triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị đơn chưa trả hết nợ, thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất trung bình trên thị trường quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28 tháng 6 năm 2017 nguyên đơn kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 129.955.000 đồng.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ kháng nghị như sau:

- Cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung trong các phiếu thu tiền và phiếu giao hàng khi giải quyết vụ án là chưa đầy đủ cơ sở.

- Chấp nhận lời thừa nhận có nhận của nguyên đơn 70.222.900 đồng tại biên bản hòa giải lần thứ nhất ngày 26/5/2017 là chứng cứ không cần chứng minh là chưa phù hợp.

- Không gửi bản án cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, do đó không xác định được thời hạn kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa giữ nguyên kháng nghị và phát biểu ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự.

-Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn khai mâu thuẫn số tiền nhưng Tòa sơ thẩm chưa làm rõ mà dựa vào biên bản hòa giải ngày 26.5.2017 để giải quyết vụ án là đánh giá chứng cứ chưa phù hợp. Đương sự có cung cấp phiếu giao hàng và chữ viết tay “*đã thanh toán rồi*” nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ dòng chữ trên do ai viết ra để xác định có hay không việc nhận tiền trong mỗi lần giao hàng để đưa vào tham gia tố tụng, lời khai của đương sự có mâu thuẫn cần phải đối chất.

Với những ý kiến nêu trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ giao hồ sơ về cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Nguyên đơn - Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất và Thương mại A (gọi tắt là Công ty A) khởi kiện yêu cầu bị đơn - Công ty TNHH MTV may trang phục Q (Gọi tắt là Công ty Q) phải có nghĩa vụ trả số nợ 129.955.000 đồng phát sinh từ hợp đồng mua bán vật tư ngành may mặc. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1] Xét về thủ tục tố tụng bị đơn đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy; qua quá trình thực hiện việc mua bán của các bên được giao kết bằng miệng, không được lập hợp đồng rõ ràng, khi giao hàng cũng không thể hiện đầy đủ chữ ký của người nhận hàng. Tuy nhiên ngày 14/5/2016, giữa ông Đặng Văn D đại diện cho Công ty Q và Lâm Vĩ N đại diện cho Công ty A lập bảng đối chiếu công nợ ghi nhận Công ty Q còn nợ Công ty A số tiền nợ vốn 157.789.000 đồng số nợ này đã được các bên thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 26/5/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm. Như vậy có căn cứ kết luận đến tại thời điểm ngày 14/5/2016 Công ty Q còn nợ Công ty A số tiền mua bán hàng hóa là 157.789.000 đồng.

Tuy nhiên Công ty Q lại cho rằng đã thanh toán cho Công ty A được hai khoản tiền của một số phiếu giao hàng là 70.222.900 đồng và 27.834.000 đồng do ông Nhiệm nhận và 10 bộ đồ, 9 mét vải mà Công ty A còn nợ Công ty Q cho nên số nợ thực còn lại của Công ty Q là 59.732.100 đồng.

Đơn kháng cáo Công ty A lại cho rằng Công ty Q chưa thanh toán số tiền 70.222.900 đồng cho Công ty A, số tiền mà Công ty Q còn thiếu là 157.789.000 – 27.834.000 đồng = 129.955.000 đồng.

[3] Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện việc mua bán của các bên không được kết kết bằng văn bản, mà chỉ thỏa thuận bằng miệng, việc giao nhận hàng cũng như việc thanh toán tiền không có đầy đủ phiếu giao hàng và chữ ký của Công ty Q chính vì vậy các bên không có tài liệu xác thực để chứng minh khi có tranh chấp. Tuy nhiên chỉ có chứng cứ duy nhất để chứng minh là bảng đối chiếu công nợ ngày 14/5/2016 mà hai bên ký xác nhận là Công ty Q còn nợ Công ty A 157.789.000 đồng, số nợ này cũng được Công ty Q thừa nhận tại tòa sơ thẩm. Tuy nhiên Công ty Q lại cho rằng có trả được số tiền 70.222.900 đồng và để chứng minh điều này Công ty Q đã cung cấp 30 phiếu giao hàng trị giá 90.994.400 đồng.

Các phiếu giao hàng mà Công ty Q cung cấp cũng chỉ chứng minh công ty A có giao hàng mà không chứng minh được Công ty Q có trả tiền sau khi nhận hàng, muốn chứng minh có trả tiền thì Công ty Q phải có những chứng từ đã nhận tiền từ Công ty A, hơn nữa theo biên bản xác nhận công nợ thì Công ty Q đã ký xác nhận có nợ cho nên không có cơ sở chứng minh Công ty Q có trả 70.222.900 đồng từ các phiếu giao hàng. Sau khi đối chiếu công nợ ngày 14/5/2016 Công ty A có xuất có 01 phiếu thu ngày 23/7/2016 với số tiền 7.500.000 đồng. Do đó có cơ sở kết luận Công ty Q có trả thêm 7.500.000 đồng.

[4] Như vậy tổng số nợ Công ty Q còn thiếu Công ty A sau khi đối chiếu nợ là 157.789.000 đồng, được trừ lại hai khoản tiền đã thanh toán là 27.834.000 đồng + 7.500.000 đồng = 122.455.000 đồng.

Do Công ty Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất theo Điều 306 Luật thương mại. Án sơ thẩm áp dụng lãi suất 1,125%/tháng là thấp hơn 150% lãi suất cơ bản là phù hợp không vượt mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường. Thời hạn tính lãi từ ngày 14/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2017 là 17 tháng 17 ngày với số lãi mà Công ty Q phải chịu là 24.200.146 đồng.

Từ các căn cứ nêu trên; xét kháng cáo của Công ty A là có cơ sở.

Đối với kháng nghị đề nghị hủy án sơ thẩm là không cần thiết bởi vì số nợ đã được bị đơn thừa nhận bằng bản đối chiếu công nợ, nhưng bị đơn lại đưa ra chứng cứ các phiếu giao hàng để chứng minh có trả số tiền 70.222.900 đồng nguyên đơn không thừa nhận trong khi các phiếu giao hàng không có cơ sở để chứng minh có trả nợ vì phiếu giao hàng là của nguyên đơn giao và trong phiếu giao cũng không có bút tích của nguyên đơn đã nhận tiền. Vậy không còn chứng cứ nào có giá trị chứng minh để phủ nhận bản đối chiếu công nợ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

Buộc Công ty TNHH MTV may trang phục Q phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất và Thương mại A số nợ vốn 122.455.000 đồng và lãi là 24.200.146 đồng. Tổng cộng vốn, lãi phải trả là 146.655.146 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn một trăm bốn mươi sáu đồng).

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV may trang phục Q phải chịu: 7.332.757 đồng.

Công Ty TNHH Đầu tư sản xuất và thương mại A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ và phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Đầu tư sản xuất và thương mại A 4.655.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 003456, ngày 22/02/2017 và 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 004577 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị đơn chưa trả hết nợ, thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPC
- TAND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS. Q. Ninh Kiều;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trí Dũng